

BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **14071** /BTC-ĐT
V/v Xin ý kiến thẩm định đối với dự thảo Nghị định quy định về lãi vay sau thời gian xây dựng, lợi nhuận hợp lý, phương thức thanh toán, quyết toán thực hiện dự án đầu tư áp dụng loại hợp đồng BT trên địa bàn tỉnh Nghệ An

Hà Nội, ngày **20** tháng **12** năm 2024

Kính gửi: Bộ Tư pháp.

Thực hiện nhiệm vụ được giao tại điểm e khoản 4 Điều 4 Nghị quyết số 137/2024/QH15 ngày 26/6/2024 của Quốc hội về bổ sung thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh Nghệ An (viết tắt là Nghị quyết số 137) và Quyết định số 717/QĐ-TTg ngày 27/7/2024 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành danh mục và phân công cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy định chi tiết thi hành các luật, nghị quyết được Quốc hội khóa XV thông qua tại Kỳ họp 7, Bộ Tài chính đã dự thảo Nghị định của Chính phủ quy định về lãi vay sau thời gian xây dựng, lợi nhuận hợp lý, phương thức thanh toán, quyết toán thực hiện dự án đầu tư áp dụng loại hợp đồng BT trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

- Ngày 20/11/2024, Bộ Tài chính đã có văn bản số 12611/BTC-ĐT xin ý kiến của Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Nghệ An về dự thảo Nghị định.

- Ngày 02/12/2024, Bộ Tài chính đã có văn bản số 13101/BTC-ĐT lấy ý kiến của các Bộ, cơ quan liên quan¹.

- Tại văn bản số 9025/VPCP-KTTH ngày 07/12/2024 của Văn phòng Chính phủ, Phó Thủ tướng Thường trực Nguyễn Hòa Bình đã cho phép áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn đối với việc xây dựng, ban hành Nghị định nêu trên và giao Bộ Tài chính khẩn trương hoàn thiện dự thảo Nghị định theo quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật².

Trên cơ sở tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý của các Bộ, cơ quan và UBND tỉnh Nghệ An, Bộ Tài chính đã hoàn chỉnh hồ sơ trình Nghị định theo quy định tại Điều 148 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật, gồm:

1. Dự thảo Tờ trình Chính phủ;
2. Dự thảo Nghị định;
3. Bản tổng hợp giải trình, tiếp thu ý kiến của các bộ, cơ quan liên quan.

¹ Kiểm toán Nhà nước; Thanh tra Chính phủ; các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tư pháp, Xây dựng, Giao thông vận tải, Tài nguyên và Môi trường; Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

² Thời hạn báo cáo Chính phủ trước ngày 18/12/2024.

Bộ Tài chính gửi hồ sơ (nêu trên) đến Quý Bộ để thẩm định theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật để kịp thời hoàn thiện, trình Chính phủ đúng thời hạn.

Trân trọng cảm ơn sự hợp tác của Quý Bộ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ (đề b/c);
- Văn phòng Chính phủ;
- Vụ Pháp chế;
- Lưu: VT, ĐT (05)

**KT.BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Bùi Văn Khăng

Số: 372/TT-BTC

Hà Nội, ngày 20 tháng 12 năm 2024

TỜ TRÌNH

Dự thảo Nghị định của Chính phủ quy định về lãi vay sau thời gian xây dựng, lợi nhuận hợp lý, phương thức thanh toán, quyết toán thực hiện dự án đầu tư áp dụng loại hợp đồng BT trên địa bàn tỉnh Nghệ An

Kính gửi: Chính phủ.

(Tài liệu gửi Bộ Tư pháp thẩm định)

Thực hiện quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, sửa đổi, bổ sung tại Luật số 63/2020/QH14; thực hiện quy định tại điểm e khoản 4 Điều 4 Nghị quyết số 137/2024/QH15 ngày 26/6/2024 của Quốc hội về bổ sung thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh Nghệ An (viết tắt là Nghị quyết số 137); thực hiện nhiệm vụ được Thủ tướng Chính phủ giao tại Quyết định số 717/QĐ-TTg ngày 27/7/2024 về ban hành danh mục và phân công cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy định chi tiết thi hành các luật, nghị quyết được Quốc hội khóa XV thông qua tại Kỳ họp 7; trên cơ sở phối hợp với các bộ, cơ quan liên quan và Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) tỉnh Nghệ An, Bộ Tài chính trình Chính phủ hồ sơ dự thảo Nghị định của Chính phủ quy định về lãi vay sau thời gian xây dựng, lợi nhuận hợp lý, phương thức thanh toán, quyết toán dự án đầu tư áp dụng loại hợp đồng BT trên địa bàn tỉnh Nghệ An (viết tắt là Nghị định) như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH VĂN BẢN

- Tại Nghị quyết số 137, Quốc hội đã cho phép Tỉnh Nghệ An được thực hiện hình thức hợp đồng BT đối với các dự án đầu tư thuộc lĩnh vực giao thông, hạ tầng kỹ thuật đô thị, hệ thống chiếu sáng, điện trang trí; bãi đỗ xe; thoát nước và xử lý nước thải; xử lý ô nhiễm môi trường trên địa bàn Tỉnh. Các dự án BT được thanh toán từ các nguồn vốn ngân sách nhà nước, tiền thu từ đấu giá tài sản công, đấu giá quyền sử dụng đất. Đồng thời, tại điểm e khoản 4 Điều 4 Nghị quyết số 137, Quốc hội giao "*Chính phủ quy định lãi vay sau thời gian xây dựng, lợi nhuận hợp lý, phương thức thanh toán, quyết toán thực hiện dự án áp dụng loại hợp đồng BT*". Do đó, việc Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết điểm e khoản 4 Điều 4 Nghị quyết số 137 là đảm bảo cơ sở pháp lý.

- Tại Quyết định số 717/QĐ-TTg ngày 27/7/2024 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành danh mục và phân công cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy

định chi tiết thi hành các luật, nghị quyết được Quốc hội khóa XV thông qua tại Kỳ họp 7, Bộ Tài chính được giao chủ trì, phối hợp với các Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính phủ, UBND tỉnh Nghệ An và các cơ quan có liên quan xây dựng Nghị định.

- Việc xây dựng Nghị định đề thể chế hóa chính sách thí điểm đối với các dự án BT thanh toán bằng tiền, góp phần huy động bổ sung các nguồn lực từ tài sản công, đất đai phục vụ phát triển kinh tế - xã hội nói chung và các lĩnh vực giao thông, hạ tầng kỹ thuật đô thị, hệ thống chiếu sáng, điện trang trí; bãi đỗ xe; thoát nước và xử lý nước thải; xử lý ô nhiễm môi trường nói riêng trên địa bàn tỉnh Nghệ An nhằm góp phần đảm bảo thực hiện thành công mục tiêu xây dựng và phát triển tỉnh Nghệ An đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 được Bộ Chính trị thông qua tại Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 18/7/2023.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG VĂN BẢN

1. Mục đích

- Việc xây dựng Nghị định là cần thiết, phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước.

- Quy định chi tiết các nhiệm vụ Quốc hội giao Chính phủ hướng dẫn tại Nghị quyết số 137/2024/QH15.

- Xây dựng khung pháp lý thống nhất làm cơ sở triển khai thực hiện các dự án đầu tư theo hợp đồng BT thí điểm triển khai trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

2. Quan điểm xây dựng văn bản

- Bảo đảm tính hợp hiến, tính hợp pháp và tính thống nhất của văn bản quy phạm pháp luật trong hệ thống pháp luật.

- Tuân thủ đúng thẩm quyền, hình thức, trình tự, thủ tục xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

- Đơn giản hóa thủ tục hành chính, công khai, minh bạch, đảm bảo hiệu lực, hiệu quả của cơ quan nhà nước

- Bảo đảm tính tính khả thi, tiết kiệm, kịp thời, dễ tiếp cận, dễ thực hiện của văn bản quy phạm pháp luật.

III. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG CỦA VĂN BẢN

1. Phạm vi điều chỉnh

- Lãi vay sau thời gian xây dựng, lợi nhuận hợp lý, phương thức thanh toán, quyết toán thực hiện dự án đầu tư áp dụng loại hợp đồng BT trên địa bàn tỉnh Nghệ An quy định tại điểm e khoản 4 Điều 4 Nghị quyết số 137/2024/QH15 của Quốc hội.

- Nghị định này không quy định nội dung tỷ lệ vốn chủ sở hữu nhà đầu tư huy động để thực hiện dự án BT theo quy định tại Điều 77 Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư.

2. Đối tượng áp dụng

Các bên trong hợp đồng BT, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động đầu tư dự án BT trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

IV. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

1. Thực hiện nhiệm vụ được Thủ tướng Chính phủ giao tại Quyết định số 717/QĐ-TTg ngày 27/7/2024, Bộ Tài chính đã có công văn số 12611/BTC-ĐT ngày 20/11/2024 xin ý kiến UBND tỉnh Nghệ An về dự thảo Nghị định và văn bản 13101/BTC-ĐT ngày 02/12/2024 gửi xin ý kiến các bộ, ngành¹.

2. Tại văn bản số 9025/VPCP-KTTH ngày 07/12/2024 của Văn phòng Chính phủ, Phó Thủ tướng Thường trực Nguyễn Hòa Bình đã cho phép Bộ Tài chính áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn đối với việc xây dựng, ban hành Nghị định quy định về lãi vay sau thời gian xây dựng, lợi nhuận hợp lý, phương thức thanh toán, quyết toán thực hiện dự án đầu tư áp dụng loại hợp đồng BT trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

3. Đến nay, Bộ Tài chính đã nhận được ý kiến của UBND tỉnh Nghệ An các bộ, cơ quan liên quan: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; các Bộ: Tư pháp, Giao thông vận tải, Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng; Kiểm toán Nhà nước và Thanh tra Chính phủ

4. Trên cơ sở tiếp thu, tổng hợp ý kiến của các cơ quan, ngày /12/2024, Bộ Tài chính đã gửi hồ sơ đề Bộ Tư pháp thẩm định.

5. Đến ngày /12/2024, Bộ Tư pháp đã có văn bản số thẩm định dự thảo Nghị định.

6. Tiếp thu ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính đã hoàn thiện hồ sơ dự thảo Nghị định (kèm theo).

V. BỐ CỤC

Dự thảo Nghị định gồm 04 Chương, 22 Điều, 02 Phụ lục; cụ thể như sau:

Chương I. Quy định chung (Điều 1 đến Điều 2)

Chương II. Lãi vay, lợi nhuận hợp lý của nhà đầu tư BT, phương thức thanh toán, quyết toán dự án BT (Điều 3 đến Điều 13)

Chương III. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân (Điều 14 đến Điều 21)

Chương IV. Tổ chức thực hiện (Điều 22)

Các Phụ lục đi kèm: Mẫu số 01. Giấy đề nghị thanh toán của cơ quan ký kết hợp đồng BT; Mẫu số 02. Giấy rút vốn.

VI. NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

1. Về hướng dẫn các nội dung hợp đồng BT

¹ Kiểm toán Nhà nước; Thanh tra Chính phủ; Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tư pháp, Xây dựng, Giao thông vận tải, Bộ Tài nguyên và Môi trường và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Quy định liên quan đến nội dung hợp đồng BT tại điểm 4 Điều 4 Nghị quyết số 137, cụ thể:

a) Hợp đồng BT là hợp đồng được ký kết giữa cơ quan có thẩm quyền và nhà đầu tư để xây dựng công trình hạ tầng; sau khi hoàn thành công trình, nhà đầu tư chuyển giao công trình đó cho cơ quan có thẩm quyền và được thanh toán từ các nguồn vốn ngân sách nhà nước, tiền thu từ đấu giá tài sản công, đấu giá quyền sử dụng đất;

b) Tỉnh Nghệ An được thực hiện hình thức hợp đồng BT đối với các dự án đầu tư thuộc các lĩnh vực giao thông, hạ tầng kỹ thuật đô thị, hệ thống điện chiếu sáng, điện trang trí; bãi đỗ xe; thoát nước và xử lý nước thải; xử lý ô nhiễm môi trường trên địa bàn Tỉnh. Việc thanh toán cho nhà đầu tư quy định tại điểm a khoản này phải bảo đảm công khai, minh bạch, hiệu quả kinh tế - xã hội, chất lượng công trình, dự án, không làm thất thoát vốn, tài sản nhà nước;

c) Thẩm quyền, trình tự, thủ tục lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án BT được thực hiện như quy định đối với dự án PPP theo quy định của pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư. Việc lựa chọn nhà đầu tư dự án BT được thực hiện sau khi thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở được phê duyệt. Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An quy định tiêu chuẩn đánh giá về năng lực, kinh nghiệm, kỹ thuật, tài chính của nhà đầu tư thực hiện dự án BT;

d) Thẩm quyền, trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt, quản lý dự án, chi phí đầu tư, chất lượng xây dựng công trình, dự án áp dụng loại hợp đồng BT được thực hiện như quy định đối với dự án đầu tư công theo quy định của pháp luật về đầu tư công, pháp luật về xây dựng. Dự án chỉ được quyết định chủ trương đầu tư khi xác định được nguồn vốn và khả năng cân đối vốn. Tổng mức đầu tư dự án áp dụng loại hợp đồng BT được xác định như đối với dự án sử dụng vốn đầu tư công theo quy định của pháp luật về xây dựng; chi phí lãi vay sau thời gian xây dựng và lợi nhuận hợp lý được tính vào tổng mức đầu tư dự án;

đ) Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An quyết định sử dụng vốn ngân sách cấp tỉnh, bố trí vốn chuẩn bị đầu tư, dự toán ngân sách hằng năm và bố trí vốn đầu tư công trong kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm của Tỉnh; căn cứ giá trị, tiến độ quy định trong hợp đồng BT, quyết định sử dụng nguồn thu từ tiền đấu giá tài sản công, đấu giá quyền sử dụng đất để thanh toán cho nhà đầu tư sau khi công trình hoặc hạng mục công trình vận hành độc lập được hoàn thành nghiệm thu, kiểm toán; giám sát việc thực hiện bảo đảm đúng quy định của pháp luật;

e) Chính phủ quy định lãi vay sau thời gian xây dựng, lợi nhuận hợp lý, phương thức thanh toán, quyết toán thực hiện dự án đầu tư áp dụng loại hợp đồng BT."

2. Đề xuất hướng dẫn của Bộ Tài chính

2.1. Về nội dung giống nhau giữa dự thảo Nghị định và Nghị định số 11/2024/NĐ-CP ngày 02/02/2024 của Chính phủ quy định lãi vay, lợi nhuận

hợp lý, phương thức thanh toán, quyết toán dự án đầu tư theo hợp đồng BT; miễn thuế thu nhập doanh nghiệp, miễn thuế thu nhập cá nhân trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh (viết tắt là Nghị định số 11/2024/NĐ-CP).

Quy định tại khoản 4 Điều 4 Nghị quyết số 137 liên quan đến nội dung thanh toán, quyết toán hợp đồng BT cơ bản tương tự và tương đồng với quy định tại khoản 5 Điều 4 Nghị quyết số 98/2023/QH15 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh, cụ thể như sau:

- Về lĩnh vực đầu tư theo quy định tại Điều 4 Luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư năm 2020;

- Thẩm quyền, thủ tục, trình tự lập, thẩm định, phê duyệt, quản lý dự án, chi phí đầu tư... thực hiện như quy định đối với các dự án đầu tư công theo quy định của pháp luật về đầu tư công và xây dựng;

- Chi phí lãi vay sau thời gian xây dựng và lợi nhuận hợp lý của nhà đầu tư được tính vào tổng mức đầu tư dự án;

- Hội đồng nhân dân thành phố/tỉnh quyết định sử dụng ngân sách cấp tỉnh, bố trí vốn chuẩn bị đầu tư, dự toán ngân sách hằng năm và bố trí vốn đầu tư công trong kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm của Tỉnh/Thành phố để thanh toán cho nhà đầu tư sau khi công trình hoặc hạng mục công trình vận hành độc lập được hoàn thành nghiệm thu, kiểm toán;

- Quốc hội giao Chính phủ quy định lãi vay, lợi nhuận hợp lý, phương thức thanh toán, quyết toán thực hiện dự án áp dụng hợp đồng BT.

Do đó, Bộ Tài chính đề xuất xây dựng nội dung dự thảo Nghị định được xây dựng trên cơ sở kế thừa, tương tự nội dung Nghị định số 11/2024/NĐ-CP, cụ thể:

(i) Xác định trần lãi suất vốn vay sau thời gian xây dựng, trần tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu từ Điều 3 đến Điều 6 (tương tự các Điều tương ứng tại Nghị định số 11/2024/NĐ-CP):

- Căn cứ tham khảo để xác định lãi suất vốn vay sau thời gian xây dựng gồm: Lãi suất cho vay bình quân trung hạn, dài hạn của 04 ngân hàng thương mại trên địa bàn tỉnh Nghệ An và lãi suất vốn vay của các dự án BT tương tự (nếu có). Trần tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu theo tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu bình quân của các doanh nghiệp hoạt động kinh doanh trong ngành, lĩnh vực của dự án BT trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

- Về thẩm quyền xác định các mức trần nêu trên do Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết vào thời điểm cuối năm trước làm cơ sở để UBND tỉnh ban hành quyết định thực hiện vào năm tiếp theo nhưng không được vượt quá mức lãi suất vốn vay, lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu tham khảo.

- Quy định thời gian tính lãi vay sau thời gian xây dựng, lợi nhuận hợp lý của nhà đầu tư...

(ii). Về thanh toán cho dự án BT từ Điều 7 đến Điều 11 (tương ứng từ Điều 7 đến Điều 10 Nghị định số 11/2024/NĐ-CP):

- UBND tỉnh Nghệ An báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An quyết định việc sử dụng nguồn ngân sách cấp tỉnh, bố trí vốn đầu tư công trong kế hoạch đầu tư trung hạn và hằng năm của Tỉnh BT để thực hiện các dự án BT theo quy định của pháp luật về đầu tư công.

- Cơ quan Kho bạc Nhà nước thực hiện nhiệm vụ kiểm soát, thanh toán vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước.

- Cơ quan ký kết hợp đồng dự án BT mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước nơi thuận tiện cho giao dịch.

- Điều kiện thanh toán dự án BT: (i) Dự án BT hoặc hạng mục công trình, công trình xây dựng thuộc dự án BT vận hành độc lập được cơ quan ký kết hợp đồng BT cấp xác nhận hoàn thành theo quy định pháp luật xây dựng và đã được Kiểm toán Nhà nước kiểm toán giá trị dự án hoàn thành, hạng mục công trình vận hành độc lập hoàn thành; (ii) Việc thanh toán lần cuối chỉ thực hiện sau khi giá trị vốn đầu tư công dự án BT hoàn thành được cấp có thẩm quyền phê duyệt; Giá trị thanh toán lần cuối tối thiểu bằng mức vốn chủ sở hữu tham gia dự án BT.

- Hồ sơ thanh toán: hồ sơ pháp lý gửi 01 lần, hồ sơ đề nghị thanh toán từng lần.

(iii). Quyết toán dự án BT hoàn thành tại Điều 12, Điều 13 (tương ứng với Điều 11 và Điều 12 Nghị định số 11/2024/NĐ-CP):

- Cơ quan lập báo cáo quyết toán: Doanh nghiệp dự án BT hoặc nhà đầu tư BT trong trường hợp không thành lập doanh nghiệp dự án BT.

- Dự án BT khi hoàn thành phải được Kiểm toán Nhà nước kiểm toán báo cáo quyết toán trước khi trình cấp có thẩm quyền phê duyệt quyết toán.

- Người có thẩm quyền phê duyệt dự án BT là người có thẩm quyền phê duyệt báo cáo quyết toán vốn đầu tư dự án BT hoàn thành.

- Hồ sơ trình phê duyệt dự án BT hoàn thành gồm: (1) Tờ trình phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án BT hoàn thành; (2) Báo cáo tổng hợp quyết toán vốn đầu tư dự án BT hoàn thành; (3) Hợp đồng dự án BT và các phụ lục hợp đồng BT (nếu có) (bản chính hoặc bản sao y); (4) Báo cáo kiểm toán giá trị dự án BT hoàn thành của Kiểm toán nhà nước (bản chính hoặc bản sao y); (5) Văn bản của người có thẩm quyền phê duyệt dự án BT xác định chi phí lãi vay, lợi nhuận của nhà đầu tư phát sinh sau thời điểm Kiểm toán Nhà nước kiểm toán (bản chính hoặc bản sao y).

- Trình tự, thủ tục phê duyệt quyết toán dự án BT hoàn thành:

+ Trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày Kiểm toán Nhà nước ban hành báo cáo kiểm toán giá trị dự án BT hoàn thành, doanh nghiệp án BT (hoặc nhà đầu

tư trong trường hợp không thành lập doanh nghiệp dự án BT) nộp hồ sơ đến cơ quan phê duyệt quyết toán dự án BT hoàn thành.

+ Trong thời gian 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ trình phê duyệt quyết toán dự án BT hoàn thành, cơ quan phê duyệt quyết toán dự án BT hoàn thành phê duyệt quyết toán dự án BT hoàn thành.

- Giá trị quyết toán dự án BT hoàn thành được xác định căn cứ: giá trị dự án BT đã được Kiểm toán Nhà nước kiểm toán; Lãi vay, lợi nhuận của nhà đầu tư phát sinh theo quy định tại hợp đồng sau thời điểm Kiểm toán Nhà nước kiểm toán được người có thẩm quyền phê duyệt dự án BT phê duyệt.

(iv) Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân từ Điều 14 đến Điều 21 (tương tự từ Điều 15 đến Điều 22 Nghị định số 11/2024/NĐ-CP)

(v). Về hiệu lực thi hành tại Điều 22 (tương ứng với Điều 23 Nghị định số 11/2024/NĐ-CP):

Tại khoản 2 Điều 151 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định: *Văn bản quy phạm pháp luật được ban hành theo trình tự, thủ tục rút gọn thì có thể có hiệu lực kể từ ngày thông qua hoặc ký ban hành.*

Dự thảo Nghị định quy định chi tiết nội dung Nghị quyết số 137 (có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2025). Do đó, để đảm bảo tính đồng bộ về hiệu lực thi hành với Nghị quyết số 137, Bộ Tài chính đề xuất: Nghị định này có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2025.

(v) Mẫu biểu gồm 02 phụ lục tương tự giữa 02 Nghị định

2.2. Về nội dung khác nhau giữa dự thảo Nghị định và Nghị định số 11/2024/NĐ-CP

Ngoài việc cho phép Tỉnh Nghệ An sử dụng nguồn vốn đầu tư công để thanh toán cho nhà đầu tư tương tự Thành phố Hồ Chí Minh, tại Nghị quyết số 137, Quốc hội cho phép Tỉnh Nghệ An bổ sung nguồn vốn thu từ tiền đấu giá tài sản công, đấu giá quyền sử dụng đất để thanh toán cho nhà đầu tư.

Vì vậy, để đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, Nghị quyết số 137 và thực tiễn triển khai của Tỉnh Nghệ An, Bộ Tài chính quy định bổ sung về nguồn vốn thanh toán (khoản 2 Điều 7) tại dự thảo Nghị định như sau:

- Nguồn thu từ tiền đấu giá tài sản công, đấu giá quyền sử dụng đất được nộp vào ngân sách theo quy định để thực hiện các dự án BT. UBND tỉnh Nghệ An báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An phê duyệt danh mục dự án BT trong kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm nguồn vốn thu từ tiền đấu giá tài sản công, đấu giá quyền sử dụng đất để thanh toán cho nhà đầu tư.

- Việc sử dụng nguồn thu từ tiền đấu giá tài sản công, đấu giá quyền sử dụng đất để thanh toán được quy định cụ thể trong hợp đồng BT, phù hợp với tiến độ, điều kiện và giá trị thanh toán cho nhà đầu tư.

- Quy định trách nhiệm Cơ quan Kho bạc Nhà nước thực hiện nhiệm vụ kiểm soát, thanh toán nguồn thu từ tiền đầu giá tài sản công, đầu giá quyền sử dụng đất sau khi được nộp vào ngân sách để thanh toán cho nhà đầu tư theo quy định tương ứng tại các Điều 8, Điều 9, Điều 10 và Điều 11 của dự thảo Nghị định.

VII. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CHÍNH SÁCH

1. Về tác động thủ tục hành chính

Tại khoản 4 Điều 4 Nghị quyết số 137 quy định về các dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư quy định Tỉnh Nghệ An được áp dụng loại hợp đồng BT song không có quy định cụ thể cơ quan ký kết hợp đồng BT là cơ quan nào. Theo quy định tại Điều 5 Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, cơ quan ký kết hợp đồng PPP gồm UBND cấp tỉnh (UBND tỉnh Nghệ An) hoặc cơ quan, đơn vị trực thuộc được UBND tỉnh Nghệ An uỷ quyền. Như vậy, thủ tục thanh toán phát sinh giữa các cơ quan quản lý nhà nước (UBND tỉnh hoặc đơn vị trực thuộc được UBND tỉnh uỷ quyền) và Kho bạc nhà nước nên không phát sinh thủ tục hành chính.

Trình tự, thủ tục thanh toán vốn đầu tư công cho doanh nghiệp dự án BT hoặc nhà đầu tư BT (trường hợp không thành lập doanh nghiệp dự án BT) quy định tại Nghị định tương tự trình tự, thủ tục thanh toán vốn Nhà nước (vốn đầu tư công) tham gia dự án PPP tại Nghị định số 28/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý tài chính dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công.

Như vậy, các thủ tục giải quyết công việc giữa các cơ quan Nhà nước quy định tại dự thảo Nghị định đã được Bộ Tài chính đề xuất theo hướng đơn giản, minh bạch, thuận tiện và tương tự như việc thanh toán vốn đầu tư công tham gia dự án PPP; đối với thủ tục thanh toán vốn đầu tư, dự thảo Nghị định đã quy định 03 cách thức giao dịch (gửi hồ sơ trực tiếp, trang thông tin dịch vụ công của Kho bạc nhà nước, cổng dịch vụ quốc gia).

2. Tác động đối với hệ thống pháp luật

Dự thảo Nghị định không có nội dung trái với các điều ước quốc tế có liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

3. Việc lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong dự thảo Nghị định

Dự thảo Nghị định không có quy định phân biệt về giới.

VIII. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THỰC HÀNH VĂN BẢN SAU KHI ĐƯỢC THÔNG QUA

1. Về điều kiện đảm bảo nguồn nhân lực thực hiện Nghị định

Nội dung dự thảo Nghị định không có quy định liên quan đến việc thành lập các tổ chức, bộ máy mới để triển khai thực hiện. Nguồn nhân lực để đảm bảo

thi hành Nghị định do các cơ quan tại tỉnh Nghệ An sử dụng nguồn nhân lực thuộc phạm vi quản lý để triển khai thực hiện dự thảo Nghị định.

2. Về nguồn tài chính để đảm bảo thi hành Nghị định

2.1. Về nguồn tài chính để thực hiện các quy định trong Nghị định

Nguồn vốn để thực hiện các dự án BT từ ngân sách nhà nước, tiền thu từ đấu giá tài sản công, đấu giá quyền sử dụng đất quy định tại dự thảo Nghị định tuân thủ theo quy định tại Luật Đầu tư công, Luật quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Đất đai năm 2024 và Nghị quyết số 137/2024/QH15; không phát sinh các khoản chi phí, nguồn vốn khác so với quy định tại Nghị quyết số 137/2024/QH15, Luật Đầu tư công. Việc cân đối, bố trí nguồn vốn nhà nước trong dự án PPP trong kế hoạch vốn đầu tư công, dự toán chi thường xuyên của địa phương theo quy định của pháp luật hiện hành.

2.2. Về nguồn tài chính đảm bảo tổ chức thi hành Nghị định

Chi phí để tổ chức thi hành Nghị định được bố trí từ nguồn vốn ngân sách Nhà nước cho hoạt động tuyên truyền, phổ biến pháp luật theo quy định.

IX. KIẾN NGHỊ

Với các nội dung dự thảo báo cáo (nêu trên), Bộ Tài chính kính trình Chính phủ xem xét, thông qua Hồ sơ trình dự thảo Nghị định, bao gồm các tài liệu sau đây:

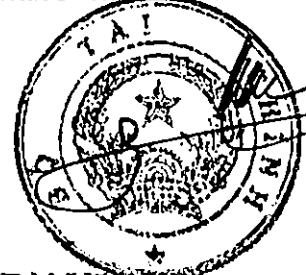
1. Tờ trình Chính phủ;
2. Dự thảo Nghị định;
3. Báo cáo thẩm định của Bộ Tư pháp;
4. Báo cáo giải trình ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp;
5. Bảng tổng hợp, giải trình ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức.

Bộ Tài chính trình Chính phủ xem xét, quyết định././

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Bộ trưởng (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ;
- Lưu: VT, ĐT. (1045)

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Bùi Văn Khang

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /2024/NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

Dự thảo 3

Ngày 20.12.2024

NGHỊ ĐỊNH

Quy định về lãi vay sau thời gian xây dựng, lợi nhuận hợp lý, phương thức thanh toán, quyết toán thực hiện dự án đầu tư áp dụng loại hợp đồng BT trên địa bàn tỉnh Nghệ An

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư ngày 18 tháng 6 năm 2020; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 137/2024/QH15 ngày 26 tháng 6 năm 2024 của Quốc hội về bổ sung thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh Nghệ An;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định về lãi vay sau thời gian xây dựng, lợi nhuận hợp lý, phương thức thanh toán, quyết toán thực hiện dự án đầu tư áp dụng loại hợp đồng BT trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nghị định này quy định về lãi vay sau thời gian xây dựng, lợi nhuận hợp lý, phương thức thanh toán, quyết toán thực hiện dự án đầu tư áp dụng loại hợp đồng BT trên địa bàn tỉnh Nghệ An theo quy định tại điểm e khoản 4 Điều 4 Nghị quyết số 137/2024/QH15 ngày 26 tháng 6 năm 2024 của Quốc hội về bổ

sung thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh Nghệ An (sau đây gọi là Nghị quyết số 137/2024/QH15).

2. Nghị định này không quy định tỷ lệ vốn chủ sở hữu nhà đầu tư huy động để thực hiện dự án BT thực theo quy định tại Điều 77 Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với các bên trong hợp đồng BT, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động đầu tư dự án BT trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

Chương II

LÃI VAY SAU THỜI GIAN XÂY DỰNG, LỢI NHUẬN HỢP LÝ, PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN, QUYẾT TOÁN VỐN ĐẦU TƯ DỰ ÁN BT HOÀN THÀNH

Mục 1

LÃI VAY SAU THỜI GIAN XÂY DỰNG, LỢI NHUẬN HỢP LÝ

Điều 3. Căn cứ xác định trần lãi suất vốn vay sau thời gian xây dựng, trần tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu

1. Lãi suất tham khảo đề xuất trần lãi suất vốn vay sau thời gian xây dựng

a) Lãi suất cho vay bình quân trung hạn, dài hạn của 04 ngân hàng thương mại trên địa bàn tỉnh Nghệ An do Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh Nghệ An cung cấp gồm: Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng thương mại cổ phần Công Thương Việt Nam, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam;

b) Lãi suất vốn vay của các dự án BT tương tự (nếu có)

2. Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu bình quân của các doanh nghiệp hoạt động kinh doanh trong ngành, lĩnh vực của dự án BT trên địa bàn tỉnh Nghệ An do sở, ngành chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An được giao tổng hợp, đề xuất báo cáo Ủy ban nhân dân Tỉnh Nghệ An.

Điều 4. Thẩm quyền, trình tự, thủ tục phê duyệt trần lãi suất vốn vay sau thời gian xây dựng, tỷ lệ lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư

1. Căn cứ danh mục dự án BT, khả năng cân đối nguồn vốn trong kế hoạch đầu tư công trung hạn, hằng năm, nguồn thu từ tiền đấu giá tài sản công, đấu giá quyền sử dụng đất, khả năng phát hành trái phiếu của chính quyền địa phương và lãi suất vốn vay, tỷ lệ lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư quy định

tại Điều 3 Nghị định này, Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An trình Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An ban hành Nghị quyết quy định về mức trần lãi suất vốn vay sau thời gian xây dựng, mức trần tỷ lệ lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư tại kỳ họp cuối năm của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An.

2. Mức trần lãi suất vốn vay sau thời gian xây dựng, mức trần tỷ lệ lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An đề xuất trình Hội đồng nhân dân Tỉnh Nghệ An quy định tại khoản 1 Điều này không được cao hơn các mức lãi suất vốn vay, lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu tham khảo quy định tại Điều 3 Nghị định này.

3. Căn cứ Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An tại khoản 1 Điều này, Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An ban hành Quyết định quy định về lãi suất vốn vay sau thời gian xây dựng theo thời hạn hợp đồng BT tương ứng và nguyên tắc áp dụng mức trần lãi suất vốn vay sau thời gian xây dựng; tỷ lệ lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư theo ngành, lĩnh vực trước ngày 31 tháng 12 hằng năm để thực hiện dự án BT trên địa bàn tỉnh Nghệ An trong năm tiếp theo.

4. Quy định tại khoản 3 Điều này là cơ sở xác định chi phí lãi vay sau thời gian xây dựng, lợi nhuận hợp lý của nhà đầu tư trong tổng mức đầu tư của dự án BT khi:

- a) Lập, thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án BT; phê duyệt chủ trương đầu tư dự án BT;
- b) Lập, thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi; phê duyệt dự án BT;
- c) Lựa chọn nhà đầu tư, đàm phán, ký kết hợp đồng BT;
- d) Thanh toán, quyết toán vốn đầu tư dự án BT hoàn thành.

5. Trường hợp lãi suất cho vay bình quân trung hạn, dài hạn trên thị trường tín dụng có biến động dẫn đến phải điều chỉnh về trần lãi suất vốn vay sau thời gian xây dựng dự án BT, Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An chịu trách nhiệm báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An xem xét, quyết định.

6. Về ban hành lãi suất vốn vay sau thời gian xây dựng, tỷ lệ lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu năm 2025

a) Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An trình Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An ban hành Nghị quyết quy định về mức trần lãi suất vốn vay sau thời gian xây dựng, mức trần tỷ lệ lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư theo quy định tại khoản 1 Điều này tại kỳ họp gần nhất của Hội đồng nhân dân Tỉnh kể từ thời điểm Nghị định này có hiệu lực thi hành;

b) Căn cứ Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An ban hành theo quy

định tại điểm a khoản này, Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An ban hành Quyết định quy định về lãi suất vốn vay sau thời gian xây dựng theo thời hạn hợp đồng BT tương ứng và nguyên tắc áp dụng mức trần lãi suất vốn vay sau thời gian xây dựng; tỷ lệ lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư theo ngành, lĩnh vực.

Điều 5. Căn cứ xác định chi phí lãi vay sau thời gian xây dựng được Nhà nước thanh toán

1. Thời gian tính lãi vay sau thời gian xây dựng

a) Thời gian tính lãi vay sau thời gian xây dựng được tính từ thời điểm dự án BT hoàn thành, bàn giao và đưa vào sử dụng đến thời điểm hoàn thành thanh toán cho nhà đầu tư;

b) Lãi vay sau thời gian xây dựng của phần vốn vay đã được Nhà nước thanh toán sẽ chấm dứt kể từ thời điểm Nhà nước thanh toán cho nhà đầu tư;

c) Thời gian nhà đầu tư nộp hồ sơ quyết toán vốn đầu tư dự án BT hoàn thành chậm so với thời gian quy định tại Nghị định này không được tính trong thời gian tính lãi vay sau thời gian xây dựng được Nhà nước thanh toán.

2. Lãi suất vốn vay sau thời gian xây dựng

a) Lãi suất vốn vay sau thời gian xây dựng được tính theo lãi suất vốn vay thực tế do nhà đầu tư huy động vốn để thực hiện dự án BT;

b) Trường hợp lãi suất vốn vay sau thời gian xây dựng thực tế cao hơn so với quy định tại hợp đồng BT và phụ lục hợp đồng BT (nếu có), mức lãi suất vốn vay được Nhà nước thanh toán tối đa bằng lãi suất vốn vay quy định tại hợp đồng BT và phụ lục hợp đồng BT (nếu có).

3. Mức vốn vay thực tế mà nhà đầu tư đã huy động để thực hiện dự án BT, tối đa bằng mức vốn vay quy định tại hợp đồng BT và phụ lục hợp đồng BT (nếu có).

4. Thời điểm giải ngân các khoản vay, tỷ lệ giải ngân giữa vốn chủ sở hữu và nguồn vốn vay theo quy định tại hợp đồng BT đã ký kết và phụ lục hợp đồng BT (nếu có).

5. Thời điểm Nhà nước thanh toán nguồn vốn đầu tư công cho nhà đầu tư theo quy định tại hợp đồng BT và phụ lục hợp đồng BT (nếu có).

Điều 6. Căn cứ xác định lợi nhuận của nhà đầu tư được Nhà nước thanh toán

1. Thời gian tính lợi nhuận hợp lý của nhà đầu tư

a) Lợi nhuận của nhà đầu tư được tính từ thời điểm dự án BT hoàn thành, bàn giao và đưa vào sử dụng đến thời điểm hoàn thành thanh toán cho nhà đầu tư;

b) Đối với các hạng mục công trình, công trình xây dựng thuộc dự án BT vận hành độc lập được thanh toán theo quy định của hợp đồng BT: lợi nhuận của nhà đầu tư được tính từ thời điểm hạng mục công trình, công trình xây dựng thuộc dự án BT hoàn thành nghiệm thu và đưa vào sử dụng đến thời điểm Nhà nước thanh toán cho nhà đầu tư;

c) Lợi nhuận của nhà đầu tư đối với phần vốn chủ sở hữu đã được Nhà nước thanh toán chấm dứt kể từ thời điểm Nhà nước thanh toán cho nhà đầu tư;

d) Thời gian nhà đầu tư nộp hồ sơ quyết toán vốn đầu tư dự án BT hoàn thành chậm so với thời gian quy định tại Nghị định này không được tính trong thời gian tính lợi nhuận của nhà đầu tư được Nhà nước thanh toán.

2. Mức vốn chủ sở hữu thực tế mà nhà đầu tư đã tham gia dự án BT, tối đa bằng mức vốn chủ sở hữu quy định tại hợp đồng BT và phụ lục hợp đồng BT (nếu có).

3. Tỷ lệ lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu quy định tại hợp đồng BT và phụ lục hợp đồng BT (nếu có).

4. Thời điểm Nhà nước thanh toán nguồn vốn đầu tư công cho nhà đầu tư theo quy định tại hợp đồng BT và phụ lục hợp đồng BT (nếu có).

Mục 2 **THANH TOÁN DỰ ÁN BT**

Điều 7. Nguồn vốn thanh toán dự án BT

Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An quyết định việc sử dụng các nguồn vốn sau để thanh toán cho nhà đầu tư khi quyết định chủ trương đầu tư dự án BT:

1. Ngân sách cấp tỉnh, bố trí vốn đầu tư công trong kế hoạch đầu tư trung hạn và hằng năm của Tỉnh. Việc sử dụng các nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh, bố trí vốn đầu tư công trong kế hoạch đầu tư trung hạn và hằng năm của Tỉnh để thực hiện các dự án BT theo quy định của pháp luật về đầu tư công.

2. Nguồn thu từ tiền đấu giá tài sản công, đấu giá quyền sử dụng đất được nộp vào ngân sách theo quy định để thực hiện các dự án BT.

a) Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An phê duyệt danh mục dự án BT trong kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm nguồn vốn thu từ tiền đấu giá tài sản công, đấu giá quyền sử dụng đất để thanh toán cho nhà đầu tư.

b) Việc sử dụng nguồn thu từ tiền đấu giá tài sản công, đấu giá quyền sử dụng đất để thanh toán được quy định cụ thể trong hợp đồng BT, phù hợp với

tiến độ, điều kiện và giá trị thanh toán cho nhà đầu tư.

Điều 8. Nguyên tắc kiểm soát, thanh toán vốn đầu tư

1. Kho bạc Nhà nước thực hiện nhiệm vụ kiểm soát, thanh toán vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước, nguồn thu từ tiền đấu giá tài sản công, đấu giá quyền sử dụng đất theo quy định tại Nghị định này.

2. Cơ quan ký kết hợp đồng dự án BT mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước nơi thuận tiện cho giao dịch. Việc mở tài khoản để kiểm soát, thanh toán thực hiện theo quy định của Chính phủ về thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Kho bạc Nhà nước và của Bộ Tài chính về hướng dẫn đăng ký và sử dụng tài khoản tại Kho bạc Nhà nước.

3. Sau khi nhận được văn bản phân bổ chi tiết vốn kế hoạch đầu tư công (bao gồm cả điều chỉnh, bổ sung nếu có) của Ủy ban nhân dân các cấp của Tỉnh Nghệ An, đối với các nhiệm vụ, dự án đủ thủ tục đầu tư theo quy định của Nghị quyết số 137/2024/QH15 và đã được phân bổ, điều chỉnh phân bổ vốn kế hoạch, Kho bạc Nhà nước căn cứ hồ sơ đề nghị thanh toán của cơ quan ký kết hợp đồng BT, các điều khoản thanh toán được quy định trong hợp đồng BT và phụ lục hợp đồng BT (nếu có), số lần thanh toán, giai đoạn thanh toán, thời điểm thanh toán, các điều kiện thanh toán và giá trị từng lần thanh toán để thanh toán vốn cho dự án.

Trường hợp hồ sơ đề nghị thanh toán của cơ quan ký kết hợp đồng BT chưa đảm bảo đúng chế độ hoặc thiếu hồ sơ theo quy định tại Nghị định này, Kho bạc Nhà nước từ chối thanh toán và chậm nhất trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị thanh toán của cơ quan ký kết hợp đồng BT, Kho bạc Nhà nước phải có văn bản thông báo cụ thể lý do từ chối thanh toán gửi một lần cho cơ quan ký kết hợp đồng BT để hoàn thiện, bổ sung theo quy định của Nghị định này.

4. Thời hạn kiểm soát, thanh toán vốn của Kho bạc Nhà nước tối đa 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ thanh toán của cơ quan ký kết hợp đồng BT theo quy định tại Nghị định này.

5. Tổng số vốn thanh toán cho dự án BT không được vượt tổng mức đầu tư đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Số vốn ngân sách nhà nước giải ngân trong năm của dự án BT không vượt vốn kế hoạch công trong năm đã bố trí cho dự án, số tiền thu được sau đấu giá quỹ đất, tài sản công đã được nộp vào ngân sách nhà nước để thanh toán cho dự án.

6. Kho bạc Nhà nước có trách nhiệm kiểm soát, thanh toán vốn kịp thời, đầy đủ, đúng quy định cho dự án khi có đủ điều kiện thanh toán, hồ sơ thanh toán theo quy định.

7. Cơ quan ký kết hợp đồng BT chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng vốn đúng mục đích, đúng đối tượng, tiết kiệm, hiệu quả; chấp hành đúng quy định của pháp luật hiện hành, chịu trách nhiệm về tính chính xác của khối lượng thực hiện, đơn giá, giá trị đề nghị thanh toán và hồ sơ, tài liệu cung cấp cho Kho bạc Nhà nước.

Điều 9. Điều kiện thanh toán dự án BT

1. Thời gian bố trí vốn đầu tư công thanh toán dự án BT kể từ thời điểm dự án hoàn thành, bàn giao cho Nhà nước không quá 06 năm đối với dự án nhóm A, không quá 04 năm đối với nhóm B, không quá 03 năm đối với nhóm C.

2. Hợp đồng BT và phụ lục hợp đồng BT phải có quy định cụ thể về tỷ lệ vốn chủ sở hữu và vốn vay, điều kiện, thời hạn, số lần Nhà nước thanh toán cho doanh nghiệp dự án BT hoặc nhà đầu tư (trong trường hợp không thành lập doanh nghiệp dự án BT).

3. Nhà nước thanh toán cho doanh nghiệp dự án BT hoặc nhà đầu tư (trường hợp không thành lập doanh nghiệp dự án BT) sau khi dự án BT hoặc hạng mục công trình, công trình xây dựng thuộc dự án BT vận hành độc lập được cơ quan ký kết hợp đồng BT cấp xác nhận hoàn thành theo quy định của pháp luật xây dựng và đã được kiểm toán giá trị dự án BT hoàn thành, hạng mục công trình, công trình xây dựng thuộc dự án BT vận hành độc lập hoàn thành.

4. Việc thanh toán lần cuối chỉ thực hiện sau khi giá trị vốn đầu tư công dự án BT hoàn thành được cấp có thẩm quyền phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án BT hoàn thành.

Điều 10. Cách thức thực hiện thủ tục thanh toán vốn nhà nước qua Kho bạc Nhà nước

1. Gửi hồ sơ và nhận kết quả trực tiếp tại trụ sở Kho bạc Nhà nước.

2. Gửi hồ sơ và nhận kết quả qua Trang thông tin dịch vụ công của Kho bạc Nhà nước trong trường hợp đơn vị có tham gia giao dịch điện tử với Kho bạc Nhà nước (đơn vị truy cập và thực hiện theo hướng dẫn trên Trang thông tin dịch vụ công của Kho bạc Nhà nước).

3. Gửi hồ sơ và nhận hồ sơ kết quả qua Cổng dịch vụ công quốc gia.

Điều 11. Hồ sơ kiểm soát, thanh toán

1. Hồ sơ pháp lý dự án BT

Cơ quan ký kết hợp đồng BT gửi đến Kho bạc Nhà nước hồ sơ pháp lý dự án BT (gửi lần đầu khi giao dịch với Kho bạc Nhà nước hoặc khi có phát sinh,

điều chỉnh, bổ sung) như sau:

a) Quyết định phê duyệt dự án BT của cấp có thẩm quyền và các quyết định điều chỉnh dự án BT (nếu có) (bản chính hoặc bản sao y do cơ quan ký kết hợp đồng BT sao y);

b) Hợp đồng BT đã ký và phụ lục hợp đồng BT (nếu có) (bản chính hoặc bản sao y do cơ quan ký kết hợp đồng BT sao y);

c) Kế hoạch đầu tư công hằng năm được cấp có thẩm quyền giao (bản chính hoặc bản sao y do cơ quan ký kết hợp đồng BT sao y);

d) Đối với thanh toán hạng mục công trình, công trình xây dựng thuộc dự án BT vận hành độc lập hoàn thành: văn bản xác nhận hạng mục công trình, công trình xây dựng thuộc dự án BT vận hành độc lập hoàn thành theo quy định của pháp luật xây dựng (bản chính hoặc bản sao y do cơ quan ký kết hợp đồng BT sao y).

2. Hồ sơ thanh toán

a) Đối với thanh toán hạng mục công trình, công trình xây dựng thuộc dự án BT vận hành độc lập hoàn thành: báo cáo kiểm toán giá trị hạng mục công trình, công trình xây dựng thuộc dự án BT vận hành độc lập hoàn thành (bản chính hoặc bản sao y do cơ quan ký kết hợp đồng BT sao y);

b) Đối với thanh toán sau khi dự án BT hoàn thành: quyết định phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án BT hoàn thành được cấp có thẩm quyền phê duyệt (bản chính hoặc bản sao y do cơ quan ký kết hợp đồng BT sao y);

c) Văn bản của người có thẩm quyền phê duyệt dự án BT xác định chi phí lãi vay đối với phần lãi vay phát sinh sau thời điểm được kiểm toán (bản chính hoặc bản sao y do cơ quan ký kết hợp đồng BT sao y) đối với thanh toán lãi vay sau thời gian xây dựng phát sinh sau thời điểm được tổ chức kiểm toán kiểm toán;

d) Giấy đề nghị thanh toán của cơ quan ký kết hợp đồng BT (Mẫu số 01 Phụ lục kèm theo Nghị định này);

đ) Giấy rút vốn (Mẫu số 02 Phụ lục kèm theo Nghị định này).

Mục 3

QUYẾT TOÁN VỐN ĐẦU TƯ DỰ ÁN BT HOÀN THÀNH

Điều 12. Quyết toán vốn đầu tư dự án BT hoàn thành

1. Việc quyết toán vốn đầu tư dự án BT hoàn thành thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, đầu tư công và các quy định tại Nghị định này.

2. Nguyên tắc quyết toán vốn đầu tư dự án BT hoàn thành

a) Dự án BT hoàn thành phải thực hiện kiểm toán báo cáo quyết toán;

b) Quyết toán vốn đầu tư dự án BT hoàn thành căn cứ quyết định phê duyệt dự án, quy định tại hợp đồng dự án BT, báo cáo quyết toán vốn đầu tư dự án BT hoàn thành và văn bản của người có thẩm quyền phê duyệt dự án BT xác định chi phí lãi vay đối với phần lãi vay của nhà đầu tư phát sinh sau thời điểm tổ chức kiểm toán kiểm toán.

Điều 13. Cơ quan lập báo cáo quyết toán vốn đầu tư dự án BT hoàn thành, hồ sơ trình thẩm tra phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án BT hoàn thành

1. Doanh nghiệp dự án BT hoặc nhà đầu tư (trường hợp không thành lập doanh nghiệp dự án BT) là cơ quan lập báo cáo quyết toán vốn đầu tư dự án BT hoàn thành gửi hồ sơ đến người có thẩm quyền quyết định phê duyệt quyết toán, cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán vốn đầu tư dự án BT hoàn thành.

2. Hồ sơ trình thẩm tra phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án BT hoàn thành theo quy định về hồ sơ trình thẩm tra phê duyệt quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành; trong đó hợp đồng là hợp đồng dự án BT và phụ lục hợp đồng dự án BT (nếu có).

Chương III

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

Điều 14. Trách nhiệm của Bộ Tài chính

Phối hợp với Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ về các vướng mắc trong triển khai thực hiện các dự án BT theo quy định tại Nghị định này.

Điều 15. Trách nhiệm của Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Phối hợp với Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An theo chức năng, nhiệm vụ được giao trong triển khai thực hiện các dự án BT theo quy định tại Nghị quyết số 137/2024/QH15 và Nghị định này.

Điều 16. Trách nhiệm của Bộ Xây dựng

Hướng dẫn các vướng mắc liên quan đến chi phí đầu tư xây dựng dự án BT theo pháp luật về đầu tư xây dựng.

Điều 17. Trách nhiệm của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Hướng dẫn Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh tỉnh Nghệ An cung cấp lãi suất cho vay bình quân trung hạn, dài hạn của 04 ngân hàng thương mại quy định tại điểm a khoản 1 Điều 3 Nghị định này theo đề xuất của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An.

Điều 18. Trách nhiệm của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An

1. Ban hành Nghị quyết quy định về mức trần lãi suất vốn vay sau thời gian xây dựng, mức trần tỷ lệ lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư tại kỳ họp của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An theo quy định tại khoản 1, khoản 6 Điều 4 Nghị định này.

2. Phê duyệt danh mục dự án BT và quyết định sử dụng nguồn vốn đầu tư công trong kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm, nguồn thu từ tiền đấu giá tài sản công, đấu giá quyền sử dụng đất để thanh toán cho nhà đầu tư BT quy định tại Điều 7 Nghị định này.

Điều 19. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An

1. Tổ chức thực hiện Nghị định này, đảm bảo tuân thủ quy định tại Nghị định này, Nghị quyết số 137/2024/QH15 và pháp luật xây dựng, pháp luật đầu tư công, pháp luật về ngân sách nhà nước.

2. Ban hành Quyết định quy định về lãi suất vốn vay sau thời gian xây dựng theo thời hạn hợp đồng BT tương ứng và nguyên tắc áp dụng mức trần lãi suất vốn vay sau thời gian xây dựng theo quy định tại khoản 3, khoản 6 Điều 4 Nghị định này.

3. Báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An bố trí vốn đầu tư công trong kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm, nguồn thu từ tiền đấu giá tài sản công, đấu giá quyền sử dụng đất để thanh toán cho nhà đầu tư BT theo đúng quy định tại hợp đồng BT đã ký kết và phụ lục hợp đồng BT (nếu có).

4. Phối hợp với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam để hướng dẫn Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh tỉnh Nghệ An cung cấp lãi suất cho vay bình quân trung hạn, dài hạn đối với tổ chức của 04 ngân hàng thương mại quy định tại điểm c khoản 1 Điều 3 Nghị định này.

5. Phối hợp với bộ, ngành để được hướng dẫn, xử lý các vướng mắc (nếu có) liên quan đến trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt, quản lý dự án BT, chi phí đầu tư xây dựng, chất lượng xây dựng, ký kết và quản lý hợp đồng BT.

Điều 20. Trách nhiệm của cấp có thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư, phê duyệt dự án BT

1. Chịu trách nhiệm về lựa chọn phương thức đầu tư của dự án theo hợp

đồng BT; đảm bảo hiệu quả đầu tư, hiệu quả sử dụng nguồn vốn đầu tư công.

2. Theo dõi, đánh giá việc thực hiện các dự án BT, sử dụng vốn đầu tư công thanh toán dự án BT và hiệu quả đầu tư của dự án BT.

Điều 21. Trách nhiệm của doanh nghiệp dự án BT, nhà đầu tư

1. Doanh nghiệp dự án BT hoặc nhà đầu tư (trường hợp không thành lập doanh nghiệp dự án BT) có trách nhiệm thực hiện các quyền, nghĩa vụ quy định trong hợp đồng BT và các phụ lục hợp đồng BT (nếu có), quy định tại Nghị định này, Nghị quyết số 137/2024/QH15 và các quy định của pháp luật có liên quan.

2. Phối hợp với cơ quan ký kết hợp đồng BT hoàn thiện hồ sơ thanh toán, hồ sơ quyết toán vốn đầu tư dự án BT hoàn thành.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 22. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2025.

2. Trường hợp Nghị quyết số 137/2024/QH15 hết hiệu lực thi hành nhưng hợp đồng BT đã được ký kết trong thời gian Nghị quyết số 137/2024/QH15 có hiệu lực và đang trong quá trình thực hiện thì được tiếp tục áp dụng quy định tại Nghị định này.

3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân Tỉnh Nghệ An, các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KTTT (2b).

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

Phạm Minh Chính

Phụ lục
(Ban hành kèm theo Nghị định số /2024/NĐ-CP ngày /2024 của Chính phủ)

Mẫu số 01 Giấy đề nghị thanh toán của cơ quan ký kết hợp đồng BT

Mẫu số 02 Giấy rút vốn

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN
CƠ QUAN KÝ KẾT HỢP ĐỒNG BT**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/GĐN-(1)¹

GIẤY ĐỀ NGHỊ THANH TOÁN CỦA CƠ QUAN KÝ KẾT HỢP ĐỒNG BT

Kính gửi:(cơ quan kiểm soát, thanh toán)

Tên dự án, công trình: Mã dự án đầu tư

Doanh nghiệp án BT (hoặc nhà đầu tư BT trong trường hợp không thành lập doanh nghiệp dự án BT):.....

Cơ quan ký kết hợp đồng: Mã số ĐVSDNS:

Số tài khoản của doanh nghiệp dự án BT (hoặc nhà đầu tư BT trong trường hợp không thành lập doanh nghiệp dự án BT):.....

Vốn trong nước (TN).....
tại

Vốn nước ngoài (NN)
tại

Căn cứ hợp đồng BT số: ... ngày ... tháng....năm..., Phụ lục hợp đồng BT số ...ngày...tháng...năm (nếu có).

Căn cứ báo cáo giá trị hạng mục công trình/công trình xây dựng thuộc dự án BT/dự án BT hoàn thành ngày ...tháng...năm...của Kiểm toán Nhà nước.

Lũy kế giá trị hạng mục công trình/công trình xây dựng thuộc dự án BT/dự án BT hoàn thành đề nghị thanh toán: đồng.

Số tiền đề nghị thanh toán hạng mục công trình/công trình xây dựng thuộc dự án BT/dự án BT hoàn thành: đồng.

Thuộc nguồn vốn:

Thuộc kế hoạch vốn: Năm

Đơn vị: Đồng

Nội dung	Giá trị hạng mục công trình/công trình dự án xây dựng thuộc dự án BT/dự án BT hoàn thành	Lũy kế giá trị hạng mục công trình/công trình xây dựng thuộc dự án BT/dự án BT hoàn thành đã thanh toán		Giá trị đề nghị thanh toán kỳ này	
		Vốn TN	Vốn NN	Vốn TN	Vốn NN
Thanh toán cho					

¹ Tên viết tắt của cơ quan ký kết hợp đồng BT

hạng mục/dự án					
.....					
Cộng					

Tổng số tiền đề nghị thanh toán bằng số: đồng

Bằng chữ: đồng

Tên đơn vị thụ hưởng:

Số tài khoản đơn vị thụ hưởng tại

....., ngày tháng năm

ĐẠI DIỆN CƠ QUAN KÝ KẾT HỢP ĐỒNG BT
(Ký, ghi rõ họ tên chức vụ và đóng dấu)

PHẦN GHI CỦA CƠ QUAN KIỂM SOÁT, THANH TOÁN

Ngày nhận giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư:

Kho bạc Nhà nước chấp nhận	Thanh toán	Theo nội dung
---------------------------------------	-------------------	----------------------

Kho bạc Nhà nước chấp nhận thanh toán như sau:

Nội dung	Tổng số	Vốn TN	Vốn NN
Số vốn chấp nhận			
- Mục, tiêu mục			
- Mục, tiêu mục			
Trong đó:			
- Các năm trước			
- Năm nay			
- Thuế giá trị gia tăng			
.....			
- Số trả đơn vị thụ hưởng			
Bằng chữ			
Số vốn từ chối:			
Lý do:			

Ghi chú:

NGƯỜI THANH TOÁN
(Ký, ghi rõ họ tên)

LÃNH ĐẠO PHÒNG
(Ký, ghi rõ họ tên)

**LÃNH ĐẠO CƠ QUAN KIỂM
SOÁT, THANH TOÁN**
(Ký, ghi rõ họ tên chức vụ và
đóng dấu)

Không ghi vào
khu vực này

GIẤY RÚT VỐN

Thực chi

Chuyển khoản
Tiền mặt tại ...
Tiền mặt tại ...

Tên dự án: ...

Cơ quan ký kết hợp đồng BT: ...

Tài khoản: ...

Căn cứ Giấy đề nghị thanh toán số: ... ngày ... / ... / ...

Mã ĐVQHNS: ...

Tại Kho bạc Nhà nước: ...

Nội dung	Mã NDKT	Mã chương	Mã ngành KT	Mã nguồn NSNN	Năm KHV	Tổng số tiền	Chia ra	
							Nộp thuế	Thanh toán cho ĐV hưởng
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(8)+(9)	(8)	(9)
Tổng cộng:								

Tổng số tiền ghi bằng chữ: ...

Trong đó:

NỘP THUẾ:

Tên đơn vị (Người nộp thuế): ...

Mã số thuế: ... Mã NDKT: ... Mã chương: ...

Cơ quan quản lý thu: ... Kỳ thuế: ...

Cơ quan kiểm soát, thanh toán hạch toán khoản thu: ...

Tổng số tiền nộp thuế (ghi bằng chữ): ...

THANH TOÁN CHO ĐƠN VỊ HƯỞNG

Đơn vị nhận tiền: ...

Địa chỉ: ...

Tài khoản: ... Mã DA và HTCT: ...

Tại cơ quan kiểm soát, thanh toán (NH): ...

Hoặc người nhận tiền: ...

CMND/CCCD/Hộ chiếu số: ... Cấp ngày: ... Nơi cấp: ...

Tổng số tiền thanh toán cho đơn vị hưởng (ghi bằng chữ): ...

PHẦN CƠ QUAN KIỂM SOÁT, THANH TOÁN GHI

I. Nộp thuế:

Nợ TK: ...

Có TK: ...

Nợ TK: ...

Có TK: ...

Nợ TK: ...

Có TK: ...

Mã CQ thu: ...

Mã ĐBHC: ...

2. Thanh toán cho ĐV hưởng:

Nợ TK: ...

Có TK: ...

Nợ TK: ...

Có TK: ...

Nợ TK: ...

Có TK: ...

Mã ĐBHC: ...

Ngày ... tháng ... năm ...

NGƯỜI LĨNH TIỀN

(Ký, ghi rõ họ tên)

KÊ TOÁN TRƯỞNG

(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày ... tháng ... năm ...

ĐẠI DIỆN CƠ QUAN KÝ KẾT HỢP ĐỒNG BT

(Ký, ghi họ tên, chức vụ, đóng dấu)

CƠ QUAN KIỂM SOÁT, THANH TOÁN

Ngày ... tháng ... năm ...

THỦ QUỸ

(Ký, ghi rõ họ tên)

KÊ TOÁN

(Ký, ghi rõ họ tên)

KÊ TOÁN TRƯỞNG

(Ký, ghi rõ họ tên)

LÃNH ĐẠO CƠ QUAN KIỂM SOÁT, THANH TOÁN

(Ký, ghi họ tên, chức vụ, đóng dấu)



BẢNG TỔNG HỢP, GIẢI TRÌNH, TIẾP THU Ý KIẾN CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC VÀ ĐỐI TƯỢNG CHỊU SỰ TÁC ĐỘNG TRỰC TIẾP CỦA NGHỊ ĐỊNH

(Kèm theo Tờ trình số 372/TTr-BTC ngày 20 tháng 12 năm 2024 của Bộ Tài chính)

STT	Ý KIẾN GÓP Ý	LÝ DO	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH, TIẾP THU
1	Ý kiến Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An (văn bản số 10715/UBND-KT ngày 30/10/2024)		
	Thống nhất với nội dung dự thảo Nghị định		
2	Ý kiến Ngân hàng Nhà nước (văn bản số 10017/NHNN-CSTT ngày 06/12/2024)	Hiện nay Đảng, Chính phủ đang có chủ trương sắp xếp lại, bỏ mô hình tổ chức Ngân hàng nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố. Đồng thời tại Nghị định số 71/2024/NĐ-CP ngày 27/6/2024 của Chính phủ quy định về giá đất quy định các ngân hàng thương mại nhà nước có trách nhiệm cung cấp thông tin bằng văn bản về lãi suất trung hạn theo yêu cầu của cơ quan có chức năng quản lý đất đai để tính giá đất. Thực tế hiện nay, chi nhánh 04 ngân hàng thương mại trên địa đã cung cấp số liệu lãi suất cho vay bình quân cho NHNN chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh; Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh chỉ thu thập và chuyển toàn bộ số liệu	Giữ nguyên như dự thảo Nghị định do: - Theo quy định tại khoản 3 Điều 3 Quyết định số 698/QĐ-NHNN ngày 12/4/2024 của Ngân hàng Nhà nước (NHNN) Việt Nam, NHNN chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có nhiệm vụ: <i>Thống kê, thu thập thông tin, nghiên cứu, phân tích tình hình kinh tế, tiền tệ trên địa bàn...; tham mưu cho cấp ủy, chính quyền địa phương về lĩnh vực liên quan đến tiền tệ, hoạt động ngân hàng và ngoại hối phục vụ xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội; thực hiện công tác thông tin tin dung.</i> Mặt khác, việc quy định từng ngân hàng thương mại cung cấp thông
2.1	Tại điểm a khoản 1 Điều 3 đề nghị sửa thành: " <i>Lãi suất cho vay bình quân trung hạn, dài hạn của 04 ngân hàng thương mại trên địa bàn tỉnh Nghệ An gồm: Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng thương mại cổ phần Dầu khí và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng thương mại cổ phần Công Thương Việt Nam, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam;</i> ".		
2.2	Đề nghị bỏ quy định tại Điều 17 trách nhiệm của Ngân hàng Nhà nước.		
2.3	Đề nghị sửa thành " <i>Đề nghị 04 ngân hàng thương mại trên địa bàn tỉnh Nghệ An cung cấp thông tin bằng văn bản về lãi suất cho vay bình quân trung hạn, dài hạn</i>		

STT	Ý KIẾN GÓP Ý	LÝ DO	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH, TIẾP THU
	<i>quy định tại điểm a khoản 1 Điều 3 Nghị định này theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An”.</i>	này cho UBND TP. Hồ Chí Minh.	<p>tin về lãi suất trung hạn, dài hạn trực tiếp (không qua NHNN chi nhánh tỉnh Nghệ An) không có cơ sở để Tỉnh xác định mức lãi suất <u> bình quân </u> của 04 ngân hàng thương mại do UBND tỉnh Nghệ An không có chức năng này.</p> <p>Như vậy, quy định như dự thảo Nghị định là đảm bảo chức năng, nhiệm vụ của NHNN chi nhánh tỉnh Nghệ An.</p> <p>- Chủ trương sắp xếp tinh gọn bộ máy hoạt động hiệu lực, hiệu quả đối với hệ thống NIINN chưa có phương án cụ thể được cấp có thẩm quyền phê duyệt.</p>
3	Ý kiến Bộ Tư pháp (văn bản số 7111/BTP-PLDSKT ngày 10/12/2024)		
3.1.	Điều 7 dự thảo Nghị định quy định về nguồn vốn thanh toán dự án BT, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, bảo đảm đúng phạm vi giao Chính phủ quy định chi tiết tại điểm e khoản 4 Điều 4 Nghị quyết số 137/2024/QH15. Trường hợp ngoài phạm vi được giao quy định chi tiết tại điểm e khoản 4 Điều 4 Nghị quyết số 137/2024/QH15, đề nghị rà soát bảo đảm đúng thẩm quyền quy định của Chính phủ;		<p>Tiếp thu ý kiến:</p> <p>Đã rà soát các nội dung dự thảo Nghị định bảo đảm đúng phạm vi giao Chính phủ quy định chi tiết tại điểm e khoản 4 Điều 4 Nghị quyết số 137/2024/QH15. Đồng thời tiếp thu ý kiến làm rõ việc ban Nghị định thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 19 Luật ban hành văn quy phạm pháp luật số</p>

STT	Ý KIẾN GÓP Ý	LÝ DO	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH, TIẾP THU
	đồng thời, báo cáo làm rõ trong Tờ trình Chính phủ đây là quy định chi tiết theo khoản 1 Điều 19 hay là biện pháp thi hành theo khoản 2 Điều 19 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật?		80/2015/QH13 và bổ sung tại mục I dự thảo Tờ trình Chính phủ.
3.2	Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, ghi rõ thời điểm có hiệu lực của dự thảo Nghị định (ghi cụ thể ngày, tháng, năm), bảo đảm có hiệu lực thi hành cùng với Nghị quyết số 137/2024/QH15	Khoản 1 Điều 22 dự thảo Nghị định quy định: “ <i>Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành</i> ”. Nghị định được xây dựng và ban hành theo trình tự, thủ tục rút gọn và có thể có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành theo khoản 2 Điều 151 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020). Tuy nhiên, Nghị quyết số 137/2024/QH15 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2025.	Tiếp thu ý kiến và đã sửa đổi Điều 22 dự thảo Nghị định. Trường hợp Chính phủ ký ban hành Nghị định sau ngày 01/01/2025 thì sẽ hoàn thiện lại theo hướng có hiệu lực từ ngày ký ban hành.
3.3	Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo lấy ý kiến chuyên gia, người làm thực tiễn, các bộ, ngành, địa phương có liên quan, đối tượng chịu sự tác động trực tiếp.	Các nội dung mang tính kinh tế, kỹ thuật trong dự thảo Nghị định, không thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ theo Nghị định số 98/2022/NĐ-CP ngày 29/11/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp.	Bộ Tài chính đã lấy ý kiến của các Bộ cơ quan liên quan: Kiểm toán Nhà nước; Thanh tra Chính phủ; các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Giao thông vận tải, Tài nguyên và Môi trường và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và UBND tỉnh Nghệ An.
3.4	Đề nghị rà soát toàn bộ dự thảo văn bản để đảm bảo tuân thủ đúng và đầy đủ	i) Quy định số 178-QĐ/TW ngày 27/6/2024 của Bộ Chính trị; (ii)	Tiếp thu ý kiến và đã rà soát các nội dung liên quan theo quy định,

STT	Ý KIẾN GÓP Ý	LÝ DO	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH, TIẾP THU
		Thông báo số 108/TB-VPTW ngày 18/11/2024 của VPTW Đảng thông báo kết luận của Tổng Bí thư Tô Lâm (iii) Nghị quyết số 110/2023/QH15 ngày 29/11/2023 của Quốc hội; Nghị quyết số 126/NQ-CP ngày 14/8/2023 của Chính phủ.	đảm bảo không có các hành vi tham nhũng, tiêu cực, “lợi ích nhóm”, “lợi ích cục bộ” trong công tác xây dựng dự thảo Nghị định.
3.5	Về trình tự, thủ tục, kỹ thuật soạn thảo văn bản		Tiếp thu ý kiến và đã rà soát bảo đảm đúng thể thức, kỹ thuật trình bày văn bản theo quy định
4	Ý kiến Kiểm toán Nhà nước (văn bản số 1607/KTNN-TH ngày 12/12/2024)		
4.1	Đề nghị xem xét, bổ sung làm rõ khái niệm “ <i>dự án BT tương tự</i> ” và hướng dẫn cụ thể thời điểm tham khảo lãi suất cho vay bình quân trung hạn, dài hạn của 04 ngân hàng thương mại trên địa bàn tỉnh Nghệ An tại khoản 1 Điều 3 để đảm bảo rõ ràng, cụ thể trong quá trình thực hiện.		Giữ nguyên như dự thảo do: - Thẩm quyền quyết định mức trần lãi suất vốn vay thuộc Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An. Việc tham khảo lãi suất vốn vay của các dự án BT tương tự (có hoặc không) là một kênh thông tin để Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định. Do đó, việc làm rõ quy định cụ thể “ <i>dự án BT tương tự</i> ” là không cần thiết.
4.2.	Đề nghị xem xét bổ sung quy định tại khoản 2 Điều 3 trong trường hợp trên địa bàn tỉnh Nghệ An chưa có doanh nghiệp		Giữ nguyên như dự thảo do: Theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 4 Nghị quyết số

STT	Ý KIẾN GÓP Ý	LÝ DO	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH, TIẾP THU
	<p>nào hoạt động kinh doanh trong ngành, lĩnh vực của dự án BT.</p>		<p>137/2024/QH15 quy định Tỉnh Nghệ An được thực hiện các dự án BT thuộc các lĩnh vực giao thông, hạ tầng kỹ thuật đô thị, hệ thống điện chiếu sáng, điện trang trí; bãi đỗ xe; thoát nước và xử lý nước thải; xử lý ô nhiễm môi trường trên địa bàn Tỉnh. Các lĩnh vực nêu trên đều có các doanh nghiệp hoạt động kinh doanh và cung cấp dịch vụ. Mặt khác, UBND tỉnh Nghệ An cũng có ý kiến thống nhất với nội dung này trong dự thảo Nghị định.</p>
4.3	<p>Đề nghị quy định rõ tại khoản 5 Điều 4 trường hợp lãi suất cho vay bình quân trung hạn, dài hạn trên thị trường tín dụng có biến động như thế nào (tỷ lệ thay đổi tăng, giảm bao nhiêu % so với trần lãi suất đang áp dụng) thì phải điều chỉnh để đảm bảo rõ ràng, cụ thể trong quá trình thực hiện.</p>		<p>Giữ nguyên như dự thảo do: Dự thảo Nghị định chỉ quy định thẩm quyền xác định mức trần lãi suất vay vốn thuộc Hội đồng nhân dân Tỉnh, không quy định cụ thể tỷ lệ chênh lệch giữa mức trần lãi suất so với mức lãi suất cho vay trung, dài hạn của các ngân hàng thương mại là bao nhiêu. Do đó, tại khoản 5 Điều 4 chỉ quy định nguyên tắc về thẩm quyền, trình tự trình cấp có thẩm quyền cho phép điều chỉnh trần lãi suất vốn vay để tạo sự linh hoạt, chủ động trong việc điều hành và thực hiện các dự</p>

STT	Ý KIẾN GÓP Ý	LÝ DO	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH, TIẾP THU
			án BT của Tỉnh.
4.4	<p>(i) Quy định rõ tại khoản 2 Điều 5 vốn vay đầu tư cho dự án BT là vốn vay hợp pháp phát sinh trong thời gian đầu tư để đảm bảo xác định rõ nguồn vốn vay được tính chi phí lãi vay được Nhà nước thanh toán;</p> <p>(ii) cân nhắc sửa đổi khoản 2 Điều 5 thành: <i>“Lãi suất vốn vay sau thời gian xây dựng được tính theo lãi suất phát sinh thực tế của khoản vay và chứng từ phát sinh do ngân hàng cho vay phát hành và không vượt quá lãi suất vay vốn được quy định trong hợp đồng BT và phụ lục hợp đồng BT (nếu có)”</i>.</p>		<p>Giữ nguyên như dự thảo do:</p> <p>Quy định về vốn vay hợp pháp được xác định theo quy định của pháp luật hiện hành về dân sự, tín dụng và thuế.</p> <p>(ii) Theo dự thảo Nghị định, Nhà đầu tư có quyền chủ động huy động vốn vay theo lãi suất thực tế để đảm bảo thực hiện dự án BT theo đúng hợp đồng đã ký. Tuy nhiên, Nhà nước chỉ thanh toán cho nhà đầu tư <u>tối đa</u> bằng lãi suất vốn vay sau thời gian xây dựng quy định tại hợp đồng BT và phụ lục hợp đồng BT.</p>
4.5	<p>Đề nghị xem xét bổ sung quy định về mức vốn vay, trong đó quy định rõ mức vốn vay được xác định ngay tại thời điểm tổ chức lựa chọn nhà đầu tư và không được điều chỉnh trong quá trình thực hiện tại khoản 3 Điều 5 để đảm bảo tính công bằng, minh bạch và khả thi trong quá trình thực hiện và lược bỏ đoạn “và phụ lục hợp đồng BT” cho phù hợp.</p>		<p>Giữ nguyên như dự thảo do:</p> <p>Nghị quyết số 137 không có quy định về mức vốn vay nên không có cơ sở để Chính phủ quy định mức vốn vay. Tại khoản 2 Điều 1 dự thảo Nghị định đã quy định tỷ lệ vốn chủ sở hữu nhà đầu tư thực hiện theo quy định của Luật PPP.</p>
4.6	<p>Đề nghị xem xét, bổ sung quy định rõ thời điểm nhà nước thanh toán cho nhà đầu tư tại khoản 5 Điều 5 và khoản 4 Điều 6 để</p>		<p>Giữ nguyên như dự thảo do:</p> <p>Tại Nghị quyết số 137/2024/QH</p>

STT	Ý KIẾN GÓP Ý	LÝ DO	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH, TIẾP THU
	đảm bảo rõ ràng, cụ thể trong quá trình thực hiện		<p>cho phép Tỉnh Nghệ An thanh toán cho nhà đầu tư sau khi công trình hoặc hạng mục công trình vận hành độc lập được hoàn thành nghiệm thu, kiểm toán. Điều 9 dự thảo Nghị định đã có quy định cụ thể về điều kiện thanh toán cho nhà đầu tư, bao gồm thời điểm bắt đầu được thanh toán và thời điểm kết thúc thanh toán.</p> <p>Tiến độ thanh toán được Tỉnh Nghệ An và Nhà đầu tư thỏa thuận thống nhất để quy định trong hợp đồng BT và các phụ lục (nếu có) phù hợp và phụ thuộc vào thời điểm công trình hoặc hạng mục công trình vận hành độc lập được hoàn thành nghiệm thu, kiểm toán.</p>
4.7	Đề nghị xem xét, quy định rõ khái niệm các hạng mục công trình, công trình xây dựng thuộc dự án BT độc lập tại điểm b khoản 1 Điều 6 để đảm bảo rõ ràng, cụ thể trong quá trình thực hiện.		<p>Quy định hạng mục công trình, công trình xây dựng được quy định theo pháp luật về xây dựng. Việc giải thích khái niệm các hạng mục công trình, công trình xây dựng thuộc dự án BT độc lập không thuộc phạm vi giao Chính phủ hướng dẫn tại điểm e khoản 4 Điều 4 Nghị quyết số 137/2024/QH15. Nội dung này được quy định theo pháp luật về</p>

STT	Ý KIẾN GÓP Ý	LÝ DO	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH, TIẾP THU
			xây dựng.
4.8	Đề nghị xem xét, quy định rõ khoản 1 Điều 9 đối với các trường hợp thanh toán cho các dự án BT quá thời gian quy định nêu trên thì phải thực hiện các thủ tục như thế nào và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức có liên quan khi thanh toán cho các dự án BT quá thời hạn quy định.		Giữ nguyên như dự thảo do: Thời gian bố trí vốn đầu tư công thanh toán cho dự án BT tham chiếu và thực hiện các quy định của pháp luật về đầu tư công. Do đó, thủ tục, trách nhiệm của các cơ quan liên quan khi chậm bố trí thanh toán cho các dự án BT thực hiện quy định của pháp luật về đầu tư công.
4.9	Đề nghị rà soát quy định trách nhiệm của các đơn vị trong trường hợp các Bộ thực hiện hợp nhất trước thời điểm Nghị định được ban hành.		Giữ nguyên như dự thảo do: Thời hạn ban hành Nghị định có hiệu lực vào thời điểm ngày 01/01/2025 đồng bộ hiệu lực với Nghị quyết số 137/2024/QH15. Tại thời điểm Nghị định có hiệu lực thi hành (dự kiến ngày 01/01/2025), chức năng, nhiệm vụ của các bộ, ngành sau khi hợp nhất là chưa rõ ràng do chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt.
5	Ý kiến Bộ Giao thông vận tải (văn bản số 13485/BGTVT-CĐCTVN ngày 12/12/2024)		
	Đề nghị nghiên cứu, rà soát phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng, nội dung tại	Ngày 29/11/2024, Quốc hội đã thông qua Luật sửa đổi, bổ sung	Giữ nguyên như dự thảo do: - Luật số 57/2024/QH15 không có

STT	Ý KIẾN GÓP Ý	LÝ DO	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH, TIẾP THU
	Nghị định về các quy định thực hiện theo Nghị quyết số 137/2024/QH15 và các quy định thực hiện theo Luật sửa 4 luật, bảo đảm tính thống nhất trong quá trình triển khai thực hiện.	một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu (Luật sửa 4 luật), trong đó quy định về dự án BT.	<p>quy định bãi bỏ quy định liên quan đến dự án BT tại Nghị quyết số 137.</p> <p>- Việc thực hiện hợp đồng BT thanh toán bằng quỹ đất và hợp đồng BT thanh toán bằng ngân sách nhà nước quy định tại điểm b khoản 12 Điều 3 của Luật số 57/2024/QH15 có hiệu lực thi hành từ <u>ngày 01/7/2025</u> trong khi Nghị định được ban hành và có hiệu lực từ ngày <u>01/01/2025</u>.</p> <p>- Tại khoản 6 Điều 8 Nghị quyết số 137/2024/QH15 quy định: “<i>Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật khác có quy định cơ chế, chính sách ưu đãi hoặc thuận lợi hơn Nghị quyết này thì việc áp dụng do Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An quyết định</i>”.</p>
6	Ý kiến Bộ Tài nguyên và Môi trường (văn bản số 8787/BTNMT-KHTC ngày 16/12/2024)		
	Không có ý kiến khác với nội dung của Dự thảo Nghị định.		
7	Ý kiến Bộ Xây dựng (Văn bản số 6955/BXD- ngày 18/12/2024)		

STT	Ý KIẾN GÓP Ý	LÝ DO	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH, TIẾP THU
7.1	<p>Đề nghị rà soát nội dung dự thảo Nghị định, đảm bảo tuân thủ các quy định pháp luật về ban hành văn bản quy phạm pháp luật; phù hợp với các quy định tại Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu số 57/2024/QH15 ngày 29/11/2024 và các quy định pháp luật khác có liên quan.</p>		<p>Đã thực hiện rà soát đảm bảo phù hợp với các quy định có liên quan</p>
7.2	<p>Tại khoản 1 Điều 3: Đề nghị bổ sung thêm thời điểm xác định lãi suất tham khảo để xuất trần lãi suất vốn vay sau thời gian xây dựng.</p>		<p>Giữ nguyên như dự thảo do: Lãi suất vốn vay có tính chất thời điểm, do đó, để đảm bảo tính linh hoạt, chủ động cho Tỉnh, dự thảo Nghị định không quy định “cứng” thời điểm xác định lãi suất tham khảo. UBND Tỉnh chủ động xác định lãi suất tham khảo cho phù hợp trước thời điểm ký hợp cuối năm của Hội đồng nhân dân Tỉnh quy định tại khoản 1 Điều 4 dự thảo Nghị định.</p>
7.3	<p>Tại khoản 2 Điều 3: Việc xác định tỷ lệ lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư gắn với ngành nghề, lĩnh vực kinh doanh của dự án BT cần nghiên cứu, hoàn thiện để đảm bảo khả năng thu hút, huy động nhà đầu tư tham gia vào các dự án BT của</p>		<p>Giữ nguyên như dự thảo do: Việc xác định trần tỷ lệ lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu sau thuế <u>bình quân</u> của các doanh nghiệp hoạt động kinh doanh trong ngành, lĩnh vực của dự án BT trên địa bàn tỉnh</p>

STT	Ý KIẾN GÓP Ý	LÝ DO	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH, TIẾP THU
	tỉnh Nghệ An		Nghệ An thuộc trách nhiệm của Hội đồng nhân dân Tỉnh. Mức lợi nhuận này hài hòa lợi ích của Nhà nước và Nhà đầu tư đồng thời tương tự quy định áp dụng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh quy định tại Nghị định số 11/2024/NĐ-CP ngày 02/02/2024 của Chính phủ.
7.4	Đề nghị Bộ Tài chính căn cứ ý kiến góp ý của các tổ chức tín dụng, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam... để hoàn thiện dự thảo Nghị định.	Việc hướng dẫn phương pháp xác định lãi vay trong thời gian xây dựng liên quan đến các quy định về hoạt động vay và cho vay của các định chế tài chính, tổ chức tín dụng, không thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.	Tại Điều 16 dự thảo Nghị định quy định nguyên tắc trách nhiệm của Bộ Xây dựng về hướng dẫn các vướng mắc liên quan đến chi phí đầu tư xây dựng dự án BT theo pháp luật về đầu tư xây dựng.
8	Ý kiến Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Văn bản số 10475/BKHĐT-QLĐT ngày 19/12/2024)		
8.1	Đề nghị Bộ Tài chính rà soát, bảo đảm các nội dung quy định về phương thức thanh toán từ nguồn vốn ngân sách nhà nước tại dự thảo Nghị định này thống nhất với các quy định tại Nghị định số 11/2024/NĐ-CP ngày 02/02/2024 của Chính phủ về lãi vay, lợi nhuận hợp lý, phương thức thanh toán, quyết toán dự án đầu tư theo hợp đồng BT trên địa bàn Thành phố Hồ Chí	Theo Nghị quyết số 137/2024/QH15 ngày 26/6/2024 của Quốc hội về bổ sung thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh Nghệ An, việc thanh toán cho nhà đầu tư thực hiện hợp đồng BT được thực hiện từ 02 nguồn: vốn ngân sách nhà nước; tiền thu từ đầu giá tài sản	Đã rà soát đảm bảo thống nhất và phù hợp với quy định.

STT	Ý KIẾN GÓP Ý	LÝ DO	NỘI DUNG GIẢI TRÌNH, TIẾP THU
8.2	<p>Minh.</p> <p>Đề nghị rà soát các quy định về trình tự, thủ tục về ngân sách nhà nước liên quan đến nội dung tiền thu từ đấu giá để bảo đảm tính khả thi.</p>	<p>công, đấu giá quyền sử dụng đất; trong đó, phương thức thanh toán từ nguồn vốn ngân sách nhà nước được quy định về cơ bản tương tự quy định tại Nghị quyết số 98/2023/QH15 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh.</p>	
9	<p>Ý kiến Thanh tra Chính phủ (Văn bản số /TTCP - ngày 12/2024)</p>		
	<p>Chưa có ý kiến</p>		